

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ H

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đào Thị Thuý.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đức.

2. Bà Nguyễn Thị Hoa.

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 357, 463, 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T1 vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 481/2025/TLST- DS ngày 03 tháng 10 năm 2025.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận Đ với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Hữu T, sinh năm 1963. Số CC: 001063013941 do Bộ công an cấp ngày 28/01/2025.

- Bị đơn: Bà Dương Thị T1, sinh năm 1982. Số CCCD001182035065 do Cục QLHC về TTXH cấp ngày 04/02/2022.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1966 (vợ ông Trần Hữu T). Số CC: 001166021810 do Bộ công an cấp ngày 28/01/2025. Bà Đ đã uỷ quyền cho ông Trần Hữu T.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hiện cùng cư trú tại địa chỉ: Thôn Độ Chàng, xã HĐ, thành phố H.

Ông T và bà T1 có mặt tại phiên toà.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Dương Thị T1 xác nhận hiện còn nợ ông Trần Hữu T và bà Nguyễn Thị Đ số tiền 115.000.000đ (Một trăm mười lăm triệu đồng) theo Giấy vay tiền (viết tay) lập ngày 24/01/2025.

2.2. Chậm nhất đến ngày 08/12/2025 (dương lịch) bà Dương Thị T1 có trách nhiệm trả cho ông Trần Hữu T và bà Nguyễn Thị Đ số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

2.3. Chậm nhất đến ngày 31/01/2026 (dương lịch) bà Dương Thị T1 có trách nhiệm trả cho ông Trần Hữu T và bà Nguyễn Thị Đ số tiền còn lại là 95.000.000đ (Chín mươi lăm triệu đồng).

2.4. Nếu đến hết ngày 31/01/2026 (dương lịch) mà bà Dương Thị T1 không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền 115.000.000đ (Một trăm mười lăm triệu đồng) cho ông Trần Hữu T và bà Nguyễn Thị Đ thì phải chịu tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 (là 10%/năm).

2.5. Về án phí: Bà Dương Thị T1 phải chịu 5.750.000đ (Năm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi Đ ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này Đ thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người Đ thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án Đ thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP. H;
- VKSND Khu vực 10- H;
- THADS thành phố H;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đào Thị Thúy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 39-DS:

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố H).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 56/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã Đ thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).

(6) Phần cuối cùng của Quyết định cần phải có đầy đủ chữ ký, họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử (Quyết định này phải lưu vào hồ sơ vụ án); Quyết định gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức khởi kiện và Viện kiểm sát cùng cấp thì cần ghi như sau:

Nơi nhận:

- Ghi theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 212 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)